



# B N TIN

CÔNG TY KI M TOÁN VÀ K TOÁN AAC  
THÀNH VIÊN QU C T C A POLARIS INTERNATIONAL

Thu | ư t | Ngân hàng | Tài chính doanh nghi p | K toán | Khác

S 103

Tháng 07/2009

Công ty Ki m toán và K toán AAC cung c p nh ng thông tin m i nh t v thu , ư t , ngân hàng v.v t i Vi t Nam cho các khách hàng th ng xuyên c a AAC và b n c khác có nhu c u. Tài li u này phát hành hàng tháng b ng Ti ng Vi t và Ti ng Anh, và g i n b n c thông qua B u i n, Fax ho c b ng E-mail.



## T vi t t t

BTC

B Tài chính

BCT

B Công th ng

BL TBXH

B Lao ng, Th ng binh & Xã h i

BXD

B Xây d ng

NHNN

Ngân hàng Nhà n c

TCT

T ng C c thu

TCHQ

T ng C c H i quan

Thu GTGT

Thu Giá tr gia t ng

Thu TNDN

Thu thu nh p doanh nghi p

N

Ngh nh

TT

Thông t

Q

Quy t nh

CV

Công v n

## N i dung

Phát hành ngày 15/08/2009

Trang

### Tóm t t n i dung các v n b n quan tr ng

1. Thu Giá tr gia t ng	2-4
- Các quy nh chung	2-3
- Thu su t	3-4
- Hoá n ch ng t	4
2. Thu Thu nh p doanh nghi p	4-5
3. Thu Thu nh p cá nhân	6
4. Thu khác, phí, l phí	6-7
5. Xu t nh p kh u	7-8
6. K toán tài chính	8
7. Lao ng – Ti n l ng	8-9
8. Ngân hàng	9-10
9. Xây d ng	10-11
10. Các quy nh khác	11-12

T giá liên ngân hàng gi a VND và USD trong tháng 07/2009

12

Danh m c các v n b n m i trong tháng 06 và tháng 07/2009

12

## Tóm tắt nội dung các văn bản quan trọng

### THU GTGT

#### Quy định chung

Điều kiện khi trừ thu GTGT vào giá trị hàng mua trả chậm: Các kinh doanh khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thu GTGT phải lập hóa đơn GTGT giao cho người mua. Thời điểm lập hóa đơn GTGT là thời điểm các kinh doanh đã chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa, đã hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ. Trường hợp bên bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thu GTGT phải lập hóa đơn chậm thì sẽ xử lý theo hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm, và hóa đơn GTGT này bên mua hàng hóa, hàng hóa vẫn có thể trừ vào bên mua kê khai trong thời hạn 6 tháng kể tháng phát sinh hóa đơn.

Trường hợp mua hàng hóa trả chậm, đóng góp có giá trị hàng hóa, dịch vụ trên 20 triệu đồng thì hóa đơn GTGT vào sổ kê khai trong thời hạn 06 tháng kể tháng phát sinh hóa đơn mới điều kiện khi trừ thu GTGT. Vì vậy, trường hợp mua bán thanh toán trả chậm, doanh nghiệp mua hàng chỉ nên khi có chứng từ thanh toán qua ngân hàng mới kê khai thu GTGT vào sổ hóa đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ, nhưng thời gian kê khai vượt quá thời hạn 06 tháng kể tháng phát sinh hóa đơn GTGT thì không có thể trừ thu GTGT vào giá trị các hóa đơn này. (CV số 3067/TCT-KK ngày 29/07/2009)

Hoàn thu GTGT: Trường hợp mua hàng hóa có giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào tính theo hóa đơn trên hai mươi triệu đồng theo giá đã có thu GTGT, nếu trong hợp đồng (hợp đồng mua bán) có thể thanh toán trả chậm, chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng do chưa nhận được thanh toán hợp đồng thì doanh nghiệp phải kê khai, khấu trừ thu GTGT vào sổ hàng hóa, dịch vụ mua vào theo thời điểm thanh toán trả chậm, khi kê khai thu doanh nghiệp phải ghi rõ thời hạn thanh toán theo hợp đồng (hợp đồng mua bán) vào phần ghi chú trên biên kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào. Nếu thời điểm thanh toán theo hợp đồng (hợp đồng mua bán) nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không có thể trừ thu GTGT vào sổ, doanh nghiệp phải kê khai, điều chỉnh ghi sổ thu GTGT vào sổ khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

Trường hợp nếu không thanh toán trong hợp đồng không ghi rõ thời hạn chậm trả, Công ty kê khai thu GTGT vào sổ các hóa đơn có giá trị trên 20 triệu đồng theo giá đã có thu GTGT không có thời hạn thanh toán trả chậm, chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không có thể trừ, hoàn thu GTGT vào sổ. (CV số 3044/TCT-KK ngày 27/07/2009)

Thu giá trị gia tăng vào giá trị hàng nhập khẩu, máy bay, ô tô, tàu hoả, tàu thuỷ hoặc bán buôn hàng: Nếu nhập khẩu là lý do bán về các dịch vụ bưu chính, viễn thông, máy bay, ô tô, tàu hoả, tàu thuỷ hoặc bán buôn hàng theo đúng giá quy định của bên giao lý hàng hoá hàng thì không phải kê khai doanh thu dịch vụ bán buôn lý và không phải kê khai thu giá trị gia tăng vào giá trị hàng nhập khẩu hàng hoá lý do nhập khẩu.

Trường hợp trừ ngày ban hành công văn này, người nhập khẩu đã kê khai nhập khẩu GTGT khác với hàng đơn trên thì có thể kê khai điều chỉnh bổ sung theo quy định.

Việc sử dụng hóa đơn nhập khẩu doanh thu dịch vụ bán buôn lý và hàng hoá lý do nhập khẩu theo quy định hiện hành.

(CV số 10587/BTC-TCT ngày 24/07/2009)

Giá tính thu GTGT vào chi phí hàng nhập khẩu chuyên nhượng ngày 01/01/2009: Từ ngày 01/01/2009, việc nhập khẩu kinh doanh nhượng quyền, giá tính thu GTGT là giá chuyên nhượng nhượng quyền trừ (-) giá trị thuế tiêu thụ nội địa (các kinh doanh nhượng quyền) thuế tiêu thụ nội địa chuyên nhượng. Giá trị thuế tiêu thụ nội địa các kinh doanh nhượng quyền khai thuế tiêu thụ nội địa chuyên nhượng theo Hợp đồng chuyên nhượng nhượng quyền.

Các kinh doanh nhượng quyền chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kê khai giá trị thuế trong giá tính thu GTGT.

Các kinh doanh nhượng quyền phải lập hóa đơn GTGT theo hướng dẫn thời điểm 2.13 Mục IV Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính

Trường hợp Hợp đồng chuyên nhượng nhượng quyền không tách riêng giá bán nhà, các thiết bị và giá trị; nếu các kinh doanh nhượng quyền đã lập hóa đơn GTGT giao cho khách hàng, trên hóa đơn GTGT không tách riêng giá bán nhà, các thiết bị, giá trị và các kinh doanh nhượng quyền khai thuế tiêu thụ nội địa chuyên nhượng. Giá trị thuế tiêu thụ nội địa chuyên nhượng khai thuế điều chỉnh bổ sung hồ sơ khai thuế nhập khẩu khi có quan thuế công bố quy định khi kiểm tra, thanh tra.

Các kinh doanh nhượng quyền và khách hàng phải lập Biên bản thanh toán bằng văn bản về việc điều chỉnh Hợp đồng chuyên nhượng nhượng quyền nhượng quyền nhượng quyền, biên bản ghi rõ giá bán nhà, các thiết bị và giá trị thuế tiêu thụ nội địa chuyên nhượng, thu GTGT, lý do điều chỉnh theo hóa đơn nhập khẩu các kinh doanh nhượng quyền (số, ký hiệu, ngày tháng của hóa đơn), đồng thời khách hàng gửi kèm theo hóa đơn trừ các kinh doanh nhượng quyền nhượng quyền nhượng quyền lập hóa đơn GTGT ghi tách riêng giá bán nhà, các thiết bị, giá trị và thu GTGT theo hướng dẫn thời điểm 2.13 Mục IV Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính, hóa đơn ghi rõ: "Hóa đơn này thay thế hóa đơn (ký hiệu số, ngày tháng của hóa đơn nhập khẩu)". Các kinh doanh nhượng quyền nhượng quyền nhượng quyền điều chỉnh thu GTGT vào sổ.



Thuế GTGT về nhập khẩu nguyên vật liệu: Sản phẩm quy định xuất khẩu miễn thuế qua công an số (rất đa dạng, phân loại, nghiên cứu...) theo tiêu chuẩn khoáng sản xuất khẩu theo Thông tư số 02/2006/TT-BCN ngày 14/4/2006 của Bộ Công nghiệp về việc hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản và các chất bị biến thành sản phẩm khác thì sản phẩm quy định xuất khẩu này thuộc diện không chịu thuế GTGT, khi xuất khẩu không áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, không kê khai trả hoàn thuế GTGT vào cửa hàng hoá, dịch vụ số định cho sản xuất kinh doanh sản phẩm quy định xuất khẩu này. (CV số 2733/TCT-PC ngày 03/07/2009)

### Hóa đơn chứng từ

Hóa đơn bán lẻ: Tiêu đề m 7, m c l, phần B Thông tư số 120/2002/TT-BTC ngày 30/12/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hóa đơn quy định: "Hóa đơn bán lẻ sử dụng cho máy tính tiền: Tiêu đề, cá nhân sử dụng máy tính tiền bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tại các cửa hàng, quầy hàng, siêu thị phi sử dụng hóa đơn bán lẻ (sử dụng cho máy tính tiền). Hóa đơn bán lẻ sử dụng cho máy tính tiền do Bộ Tài chính phát hành có dấu, cá nhân in ký và ký v i C c Thu t nh, thành phần tr c thu c TW. Mẫu hóa đơn bán lẻ in t máy tính tiền phi có các chi tiết như: Tên, địa chỉ, mã số thuế nhập bán hàng, số lượng, đơn giá, thành tiền, thuế suất GTGT, tiền thuế GTGT. Hóa đơn phi có 2 liên trở lên, liên 1: Lưu, liên 2: Giao khách hàng

Trường hợp chứng từ in t thì t b thuế phí trong giấy xác nhận doanh nghiệp áp dụng quy định tiêu đề m 7, m c l, phần B và mẫu hóa đơn bán lẻ ban hành kèm theo Thông tư số 120/2002/TT-BTC nêu trên thì doanh nghiệp phải in ký và ký v i C c Thu s d ng hóa đơn bán lẻ in t máy tính tiền theo quy định.

Nếu chứng từ in t thì t b thuế phí trong giấy xác nhận doanh nghiệp không áp dụng quy định tiêu đề m 7, m c l, phần B Thông tư số 120/2002/TT-BTC nêu trên thì đó chỉ là chứng từ thu tiền hoặc chứng từ quản lý của doanh nghiệp, chứng từ này không phải là hóa đơn bán lẻ sử dụng cho máy tính tiền.

(CV số 2998/TCT-CS ngày 22/07/2009)

### Điều kiện chứng từ thanh toán qua ngân hàng khi trả, hoàn thuế GTGT

Điều kiện khi trả thuế GTGT vào về nhập hàng hoá, dịch vụ mua vào từ 20 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng chi tiết là chứng từ chứng minh việc chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản của bên bán tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo các hình thức thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành như séc, uỷ nhiệm chi hoặc lệnh chi, uỷ nhiệm thu, thẻ ngân hàng và các hình thức thanh toán khác theo quy định. Các trường hợp coi là thanh toán qua ngân hàng khi trả thuế GTGT vào gồm:

a) Trường hợp hàng hoá, dịch vụ mua vào theo phương thức thanh toán bù trừ giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào về giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra, vay mượn hàng mà phương thức thanh toán này quy định thì phải có biên bản chi uỷ số và xác nhận giá trị hai bên về việc thanh toán bù trừ giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào về nhập hàng hoá, dịch vụ bán ra, vay mượn hàng.

b) Trường hợp hàng hoá, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ công nợ như vay, mượn tiền; công nợ qua ngân hàng (ngoài trường hợp nêu trên) mà phương thức thanh toán này quy định thì trong hợp đồng thì phải có hợp đồng vay, mượn tiền dưới hình thức văn bản chấp thuận và có chứng từ chuyển tiền từ tài khoản của bên cho vay sang tài khoản của bên vay về nhập kho vay bằng tiền.

c) Trường hợp hàng hoá, dịch vụ mua vào chứng thanh toán qua ngân hàng thì việc thanh toán theo quy định quy định trong hợp đồng dưới hình thức văn bản và bên thanh toán là một pháp nhân hoặc tổ chức nhân công theo quy định của pháp luật.

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ mua vào chứng thanh toán theo phương thức trả, góp có giá trị hàng hoá dịch vụ mua trên 20 triệu đồng, các doanh nghiệp kê khai thuế, nhập hàng thanh toán nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không kê khai trả thuế GTGT vào, các doanh nghiệp kê khai, nhập chi nhả ghi sổ thuế GTGT vào về nhập kê khai giá trị hàng hoá không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Sau khi các doanh nghiệp kê khai ghi sổ thuế GTGT vào về nhập kê khai giá trị hàng hoá không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì các doanh nghiệp kê khai chứng minh việc thanh toán qua ngân hàng thì các doanh nghiệp kê khai bổ sung nhập kê khai khi cần quan thủ công bổ quy trình kiểm tra, thanh tra thuế kiểm tra nhập thuế.

Trường hợp thanh toán trong nội bộ doanh nghiệp có nội dung hạch toán phải có phát sinh hoá đơn GTGT nhưng không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì quan hệ thanh toán tiền hàng mang tính chất thanh toán nội bộ giữa công ty và chi nhánh hoặc giữa công ty trong tập đoàn về nhập kê khai kê khai trả thuế GTGT.

Về nhập trường hợp hàng hoá, dịch vụ mua vào có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên trong thời gian từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/03/2009 có chứng từ chứng minh việc nộp tiền mặt vào tài khoản bên bán hoặc có chứng từ chuyển tiền vào tài khoản bên bán kê khai, kê khai trả thuế GTGT vào.

(CV số 10220/BTC-TCT ngày 20/07/2009)

### THU TNDN

#### Giảm giá hàng nhập thuế TNDN

Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc giảm, giảm hàng nhập thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tại Công văn số 10588/BTC-TCT ngày 24/07/2009, quyết định phát triển áp dụng nhập kê khai về doanh nghiệp nhập và

và thi công các hạng mục xây dựng và gia hạn nộp thuế TNDN theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính. Các nhà sản xuất có thu nhập áp dụng các ưu đãi về doanh nghiệp nhỏ và vừa, ảnh hưởng chi phí kế toán hóa đơn, chứng từ và thuế chi nộp thuế theo kê khai công khai xem xét giảm và gia hạn nộp thuế TNDN theo quy định nêu trên.

Ngoài ra, Bộ Tài chính cho phép gia hạn nộp thuế đối với các doanh nghiệp đăng ký khai thuế ứng hạn hàng nghiệp ghi sổ ngành gia hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật sau khi hết hạn nộp thuế, nhưng trừ chi phí liên quan thuế công bố quy định kiểm tra thuế, thanh tra thuế từ trước ngày nộp thuế.

Trên cơ sở sau khi khai quy định thuế năm 2008, doanh nghiệp có số thuế TNDN phải nộp quý III và IV/2008 cao hơn số thuế TNDN của gia hạn, Bộ Tài chính công bố cho phép doanh nghiệp công khai thu nhập bổ sung và tiếp tục gia hạn số thuế TNDN phát sinh thêm này, với ưu đãi liên quan thuế công bố quy định kiểm tra thuế, thanh tra thuế từ trước ngày nộp thuế.

Các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam không thuộc diện áp dụng Thông tư số 03/2009/TT-BTC nêu trên.

(CV số 10588/BTC-TCT ngày 24/07/2009)

**Doanh thu từ lãi tín dụng:** Trên cơ sở Công ty chưa có doanh thu hoạt động kinh doanh chính, chỉ có thu nhập từ lãi tín dụng nên đã phát sinh các khoản chi liên quan quản lý đầu tư các khoản chi này của vào chi phí xây dựng cơ bản, thu nhập từ lãi tín dụng là thu nhập chịu thuế khác trong kết quả tính thuế. (CV số 3003/TCT-CS ngày 22/07/2009).

**Ưu đãi thuế đối với hoạt động, kinh doanh nhà xã hội**

Ngày 22/07/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 96/2009/Q - TTg, sửa đổi một số điều của Quyết định số 65/2009/Q - TTg, Quyết định số

66/2009/Q - TTg và Quyết định số 67/2009/Q - TTg ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển nhà ở cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề thuế.

Theo đó, đối với các hoạt động, kinh doanh nhà ở cho học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, trung cấp nghề, công nhân làm việc tại các khu công nghiệp thuế và nhà bán, cho thuê, cho thuê mua đối với người có thu nhập thấp có khó khăn về nhà ở giảm 50% thuế giá trị gia tăng.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009 đối với thu nhập từ hoạt động, kinh doanh nhà ở cho các trường trên thuế và nhà bán, cho thuê mua đối với người có thu nhập thấp có khó khăn về nhà ở.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày 22/7/2009.

**Giá trị thuế thu nhập và lợi ích kinh doanh:** Giá trị lợi ích kinh doanh, giá trị quy định thuế thu nhập cá nhân trong sổ sách kế toán là phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty làm công tác chia sẻ các hàng năm nhưng không phải là các khoản chi phí phát sinh trong nội bộ doanh nghiệp có liên quan kinh doanh, thuế thu nhập cá nhân, do đó không được phân bổ giá trị lợi ích kinh doanh và giá trị quy định thuế thu nhập cá nhân vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. (CV số 2846/TCT-CS ngày 10/07/2009)

**Chi phí khuyến mại:** Doanh nghiệp thực hiện chương trình khuyến mại thì các khoản chi phí chi trả xác định thu nhập chịu thuế như sau:

Trên cơ sở doanh nghiệp chi giảm giá hàng bán trên hóa đơn bán hàng (giảm doanh số bán) thì khoản ghi giảm giá này không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN do đã giảm doanh thu tính thuế.

Trên cơ sở doanh nghiệp có các khoản chi phí khuyến mại không thực hiện trên thị trường chứng khoán thì không quá 10% tổng các khoản chi theo quy định. Các khoản chi phí khuyến mại này được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu việc chi trả khuyến mại miễn báo ứng quy định của pháp luật có liên quan hoạt động khuyến mại và có ý chứng từ theo quy định của pháp luật. (CV số 2628/TCT-CS ngày 30/06/2009)

**Xác định giá trị doanh nghiệp:** Các doanh nghiệp thực hiện đánh giá tài sản như theo quy định góp vốn liên doanh, đầu tư chuyển tài sản khi chia; tách, sáp nhập, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thì khoản chênh lệch giá trị tài sản như đánh giá lại so với giá trị còn lại của tài sản như ghi trên sổ kế toán của thực hiện như sau:

- Chênh lệch do đánh giá lại TSC góp vốn liên doanh được phân bổ vào thu nhập khác khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo thời gian sử dụng còn lại của TSC.

- Chênh lệch do đánh giá lại TSC đầu tư chuyển tài sản khi chia, tách, sáp nhập, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp phải hạch toán vào thu nhập khác khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp trích khấu hao, tính vào chi phí hợp lý theo nguyên giá của TSC đánh giá lại

Các quy định và hướng dẫn nêu trên, trên cơ sở Công ty không giá trị tăng thêm do đánh giá lại TSC là nhà máy sản xuất công nghiệp thì Công ty xác định đây là khoản thu nhập khác và kê khai nộp thuế TNDN theo quy định. (CV 2572/TCT-CS ngày 25/06/2009)

**THU TNCN**

Chính sách thu i v i giao dch c phi u t i n c ngoài: Cá nhân c trú và cá nhân không c trú có thu nh p t c t c t c phi u c a Công ty phát hành, niêm y t và giao dch t i Sàn giao dch t i n c ngoài ph i n p thu TNCN t i Vi t Nam i v i kho n thu nh p này. T ch c tr c t c có trách nhi m kh u tr thu TNCN và n p vào NSNN. S thu kh u tr c xác nh b ngl i t c, c t c m i l n tr nhân v i thu su t 5%. Tr ng h p c t c tr b ng c phi u thì th i i m xác nh thu nh p tính thu là th i i m chuy n nh ng c phi u.

Tr ng h p Hi p nh tránh ánh thu hai l n ký gi a Vi t Nam và các n c có quy nh khác v i c n p thu thì thu nh p cá nhân i v i thu nh p là c t c t c phi u c a Công ty phát hành, niêm y t và giao dch t i Sàn giao dch t i n c ngoài thì th c hi n theo Hi p nh tránh ánh thu hai l n ã ký.

(CV s 2766/TCT-CS ngày 07/07/2009)

Kh u tr thu TNCN i v i thu nh p t t i n l ng, t i n công:

Kh u tr thu i v i thu nh p t l ng, t i n công c th c hi n i v i cá nhân có ký h p ng lao ng, c tuy n d ng làm vi c lâu dài, n nh.

Tr ng h p t ch c, cá nhân thuê lao ng theo th i v t trên 3 tháng n d i 12 tháng có h p ng lao ng thì không áp d ng kh u tr thu theo t l 10% theo t ng l n chi tr thu nh p ho c t ng thu nh p mà th c hi n t m kh u tr theo Bi u l y t i n t ng ph n tính trên thu nh p tháng.

C n c các quy nh trên thì:

- Tr ng h p công ty ký h p ng lao ng th ng xuyên, n nh v i cán b ã ngh h u làm chuyên gia tr l ng cho m i ng i là th p h n 4.000.000 ng/tháng thì ch a n m c ph i n p thu TNCN.
- Tr ng h p công ty ký h p ng lao ng d i 3 tháng i v i 2 cán b ã ngh h u làm chuyên gia thì công ty c kh u tr thu 10% t i n thu TNCN trên t ng thu nh p ã tr cho 2 cán b ó.

(CV s 2717/TCT-TNCN ngày 03/07/2009)

Gia h n n p h s ng ký ng i ph thu c: Ngày 29/6/2009, T ng c c thu ã có Công i n s 40/TCT-VP v i c gia h n n p h s ng ký ng i ph thu c. Theo ó, các n v chi tr thu nh p, cá nhân c trú có thu nh p t kinh doanh, thu nh p t t i n l ng, t i n công ã ng ký gi m tr ng i ph thu c n m 2009 c gia h n n p t khai ng ký ng i ph thu c và h s ch ng minh ng i ph thu c n h t ngày 31/12/2009.

Theo quy nh tr c ãy t i Thông t s 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 thì th i h n n p h s ch ng minh ng i ph thu c ch m nh t là ngày 30/6/2009.

Chính sách thu TNCN i v i kho n trúng th ng: Các kho n thu nh p t trúng th ng trong các hình th c khuy n m i khi tham gia mua bán hàng hóa, dch v c xác nh là thu nh p ch u thu TNCN.

C n c h ng d n trên, tr ng h p cá nhân khi mua hàng v i s l ng nh t nh c t ch c bán hàng t ng th ng (b ng t i n, hi n v t,...) thì kho n thu nh p t nh n t ng th ng này c xác nh là thu nh p ch u thu TNCN t trúng th ng.

(CV s 2481/TCT-TNCN ngày 18/06/2009)

**THU KHÁC, PHÍ, L PHÍ**

T ng m c thu phí các vi c liên quan n qu c t ch

Ngày 20/7/2009, B Tài chính ã ban hành Thông t s 146/2009/TT-BTC, h ng d n ch thu, n p và qu n lý s d ng l phí gi i quy t các vi c liên quan n qu c t ch.

Theo ó, l phí xin nh p qu c t ch Vi t Nam là 3 tri u ng; l phí xin tr l i qu c t ch Vi t Nam và l phí xin thôi qu c t ch là 2,5 tri u ng, t ng so v i quy nh tr c ãy là 2 tri u ng i v i c 3 lo i phí trên.

ng th i, b sung thêm các i t ng c m i n l phí liên quan n qu c t ch, bao g m ng i có công lao c bi t cho s nghi p xây d ng và b o v T qu c Vi t Nam; ng i có hoàn c nh kinh t khó kh n theo quy nh v chu n nghèo c a Th t ng Chính ph và các v n b n h ng d n thi hành; ng i không qu c t ch xin nh p qu c t ch Vi t Nam; ng i xin nh p qu c t ch Vi t Nam là ng i Lào di c sang Vi t Nam ã c c p phép c trú n nh tr c ngày 1/1/2009.

Ng i xin nh p qu c t ch Vi t Nam là ng i Campuchia lánh n n di t ch ng t nh ng n m 1978-1983 mà không có gi y t ch ng minh qu c t ch g c và ã t ng c ng ký t i các tr i t n n Vi t Nam do Cao u Liên H p Qu c v ng i t n n (UNHCR) b o tr , c ng thu c nhóm i t ng c m i n l phí liên quan n qu c t ch.

Thông t này có hi u l c k t ngày 04/9/2009 và thay th Thông t liên t ch s 08/TTLT/BTC-BTP-BNG ngày 31/12/1998.

Thu TT B i v i hàng hóa nh p kh u ph c v an ninh, qu c phòng: Hàng hoá nh p kh u ph c v an ninh, qu c phòng thu c di n c m i n thu nh p kh u theo quy nh c a Lu t Thu xu t kh u, thu nh p kh u ho c nh p kh u theo h n ng ch hàng n m c Th t ng Chính ph phê duy t thu c i t ng không ch u thu giá tr gia t ng. Riêng i v i thu TT B, hàng hoá nh p kh u ph c v an ninh, qu c phòng thu c m t hàng ch u thu TT B không c m i n, gi m thu TT B. (CV s 2724/TCT-KK ngày 03/07/2009)

Lưu ý về tài sản góp vốn: Trường hợp tài sản của các cá nhân bán để phi trách nhiệm và ngân quỹ quy định của pháp luật cá nhân sau đó em tài sản này góp vốn vào Công ty cổ phần và tài sản cá nhân cá nhân của công ty quy định của pháp luật Công ty cổ phần. Nay các cá nhân này xin rút vốn khi Công ty cổ phần bán tài sản để góp vốn vào công ty thì các cá nhân khi làm thủ tục ngân quỹ quy định của pháp luật cá nhân phải phi trách nhiệm. (CV số 2536/TCT-CS ngày 23/06/2009)

Lưu ý về: trường hợp chuyển tài sản để cấp giấy chứng nhận quy định của pháp luật khi ngân quỹ quy định của pháp luật mà không thay đổi tài sản như có phát sinh chênh lệch giá trị thì phải phi trách nhiệm về phần chênh lệch giá trị thêm. (CV số 2512/TCT-CS ngày 22/06/2009)

## XUẤT NHẬP KHẨU

### Giảm thuế nhập khẩu xăng máy bay

Ngày 21/7/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 148/2009/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện miễn thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi về xăng máy bay hàng nhập khẩu nhóm 2710 từ Bỉ về thuế nhập khẩu ưu đãi.

Theo đó, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của mặt hàng nhiên liệu dùng để vận hành máy bay (nhiên liệu phi naphtha) có chi phí cháy dưới 230C, từ 230C trở lên (thu nhập nhóm 2710.19.13.00 và 2710.19.14.00) giảm xuống còn 20%, thay cho quy định hiện hành là 25%.

Mức thuế suất này áp dụng về các T khai hải quan hàng hoá nhập khẩu xăng máy bay về các quan Hải quan kể từ ngày 26/7/2009.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 133/2009/TT-BTC ngày 30/06/2009.

### Giảm thuế suất thuế nhập khẩu về mặt hàng tấm LCD

Ngày 08/07/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 140/2009/TT-BTC, sửa đổi mã số và thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi về tấm LCD quy định từ Bỉ về thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Quyết định số 106/2007/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.

Theo đó, Bộ Tài chính ưu tiên thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi về tấm hàng tấm LCD (nhóm 85.29) từ 29 inch trở xuống là 1% và trên 29 inch là 3%. Hiện nay, mặt hàng này áp dụng mức thuế chung là 3%.

Thông tư này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các T khai hải quan hàng hoá nhập khẩu xăng máy bay về các quan Hải quan kể từ ngày 22/08/2009.

### Ưu tiên thuế nhập khẩu ưu đãi về mặt hàng thiết bị điện

Ngày 03/07/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 138/2009/TT-BTC, ưu tiên miễn thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi về mặt hàng thiết bị điện trong Bỉ về thuế nhập khẩu ưu đãi.

Theo đó, áp dụng thuế suất 20% về nhóm 8504.23 bao gồm: máy và thiết bị điện, máy và thiết bị chuyên dụng và cuộn dây trên 10.000 kVA đến 15.000 kVA- không quá 20.000 kVA; trên 20.000 kVA đến 450.000 kVA.

Về mặt hàng thuế suất nhóm 8504.31 như Máy biến áp khác loại trung thế có thuế suất là 15%; Máy biến áp trung thế 5%. Máy biến thế tăng/giảm áp, biến áp tự ngẫu, biến áp và các loại khác có thuế suất 10% về các loại khác thuế suất nhóm 8504.32.

Các thiết bị điện động cơ điện hay bộ biến đổi điện, hoặc dùng điện hay lắp trong mạch điện dùng cho điện áp trên 1.000V có thuế suất 3%, điện áp từ 66 kV trở lên có thuế suất 5%.

Thiết bị điện động cơ điện hay bộ biến đổi điện động cơ điện hoặc dùng điện hay lắp trong mạch điện dùng cho điện áp không quá 1.000V; điện dùng cho chiếu sáng, bố trí hoặc áp quang; Áp tổ máy có dòng điện trên 32A số thuế suất là 10% (thu nhập nhóm 8536)

Mức thuế suất này áp dụng về các T khai Hải quan hàng hoá nhập khẩu xăng máy bay về các quan Hải quan kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực (ngày 17/8/2009).

### Hướng dẫn chi phí, chính sách về kinh tế xã hội

Ngày 03/07/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 137/2009/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện miễn thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi về các Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg, ngày 02/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách tài chính về kinh tế xã hội.

Theo đó, hàng hoá, dịch vụ phi kim loại trừ các hàng nhập khẩu từ các khu kinh tế xã hội và các hàng nhập khẩu từ các khu kinh tế xã hội là 0% bao gồm 10 mặt hàng sau: bia các loại; nước giải khát, rượu và thực phẩm có cồn; thuốc lá; xe gắn máy; xà phòng, dụng cụ, dụng cụ, kem đánh răng; sữa các loại, bột dinh dưỡng, dầu ăn các loại; mì, mỳ, cháo, phở, bún; bánh kẹo các loại; đồ chơi đồ chơi, đồ chơi đồ chơi; đồ chơi đồ chơi; đồ chơi đồ chơi; đồ chơi đồ chơi.

Các nhà đầu tư có dự án trong khu kinh tế xã hội và sản xuất công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội, dịch vụ... có trách nhiệm nộp tiền sản xuất công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội và phí sản xuất công trình hạ tầng, dịch vụ và các tiện ích công cộng.

Mức thuế tiền và mức phí sản xuất nêu trên do Ban quản lý khu kinh tế xã hội quy định và Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội quy định về các công trình do mình đầu tư xây dựng; và các

tính dựa trên tài liệu phân tích trên bảng doanh thu xuất khẩu hoặc bảng doanh thu sản xuất, dịch vụ hoặc các tài liệu thuế liên quan có sẵn.

Thông tin này có hiệu lực kể từ ngày 17/08/2009.

#### B sung các biện pháp kiểm soát xe ô tô đã qua sử dụng

Ngày 07/07/2009, Bộ Công Thương ban hành Thông tin số 19/2009/TT-BCT, sửa đổi, bổ sung Thông tin liên tịch số 03/2006/TTLT-BTM-BGTVT-BTC-BCA ngày 31/03/2006 của Liên Bộ Thương mại - Giao thông Vận tải - Tài chính - Công an hướng dẫn việc nhập khẩu ô tô chở người đi 16 chỗ ngồi đã qua sử dụng theo Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ.

Theo đó, bổ sung các biện pháp quản lý Bà Rịa - Vũng Tàu về phép nhập khẩu ô tô chở người đi 16 chỗ ngồi đã qua sử dụng.

Như vậy, trong các cơ sở có 05 các biện pháp quản lý cho phép xe ô tô chở người đi 16 chỗ ngồi đã qua sử dụng nhập khẩu là Cái Lân - Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Bà Rịa - Vũng Tàu. Thông tin này có hiệu lực kể từ ngày 21/08/2009.

#### Hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng

Văn bản trên, ngày 30/06/2009 Bộ Xây dựng ban hành Thông tin số 18/2009/TT-BXD, áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và thành viên nước ngoài đi ưu tiên theo quy định của pháp luật về thương mại tham gia xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng tại Việt Nam.

Theo đó, các loại khoáng sản được phép xuất khẩu không nằm trong số các khoáng sản hạn chế xuất khẩu sau: đá vôi và phụ gia thu được các mỏ trong quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến làm nguyên liệu sản xuất xi măng; các loại đất sét; Felsapt (Trùng thạch); Cát xây dựng; Cuội, sỏi, sỏi các loại; đá xây dựng thu được các mỏ ở Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Trùng thạch, khoáng sản thu được danh mục khoáng sản hạn chế xuất khẩu có nhu cầu xuất khẩu thì việc cho phép xuất khẩu do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Khoáng sản được phép xuất khẩu làm vật liệu xây dựng phải khai thác từ các mỏ có giấy phép khai thác hoặc có giấy phép khai thác từ nhà còn hiệu lực do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc là khoáng sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tịch thu và phát hành có chứng từ hợp pháp mua hoặc mua giá.

Trùng thạch, khoáng sản không thu được danh mục hạn chế xuất khẩu nhưng thì việc có nhu cầu xuất khẩu mà làm ảnh hưởng đến cân bằng cung - cầu trong nước thì việc cấp giấy chứng nhận xuất khẩu do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Thông tin này có hiệu lực kể từ ngày 14/8/2009 và thay thế các văn bản liên quan về xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng tại Thông tin số 02/2006/TT-BCN ngày 14/4/2006.

### KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Giá trị thương hiệu ưu: Theo quy định tại chương 6 kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản vô hình, ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ Tài chính thì thương hiệu không được ghi nhận là tài sản vô hình trích khấu hao. Do đó phần vốn góp bằng giá trị thương hiệu ưu tại Công ty con được ghi nhận trong sổ kế toán làm căn cứ chia các hàng năm nhưng không được xác định là TSC trích khấu hao theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và ban hành Chứng từ nghiệp vụ, sổ đăng và trích khấu hao tài sản vô hình. (CV số 2506/TCT-CS ngày 18/06/2009)

#### Sửa đổi, bổ sung Mục lục ngân sách nhà nước

Ngày 02/07/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tin số 136/2009/TT-BTC, bổ sung, sửa đổi Mục lục Ngân sách nhà nước.

Theo đó, bổ sung mục 3950 "Thu về condensate theo hợp đồng, hợp đồng" và các tài khoản của Mục 3950: Tài khoản 3951 "Thu tài nguyên"; tài khoản 3952 "Thu thu nhập doanh nghiệp"; tài khoản 3953 "Lãi chia của chính phủ Việt Nam"; tài khoản 3999 "Khác".

Bổ sung tài khoản 6304 "Bồi bổ chi phí nghiên cứu" vào Mục 6300 "Các khoản đóng góp"; tài khoản 9404 "Chi phí thẩm tra và phê duyệt quy hoạch, chi phí kiểm toán báo cáo quy hoạch" và tài khoản 9449 "Khác" vào Mục 9400 "Chi phí khác"...

Ngoài ra, Bộ Tài chính còn sửa đổi mã số Khoản 611 "Hàng sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tiêu dùng của hộ gia đình" thành Khoản 612 "Hàng sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tiêu dùng của hộ gia đình".

Thông tin này có hiệu lực kể từ ngày 16/8/2009 và thay thế chi tiết trong ngân sách 2009.

### LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Thị trường lao động trước và sau: Theo quy định tại Điều 2 Thông tin số 17/2009/TT-BL TBXH ngày 26/5/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tin số 21/2003/TT-BL TBXH ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì thị trường lao động làm việc tại doanh nghiệp tính trước và sau (tính theo năm) là thị trường lao động làm việc theo các hình thức lao động đã giao kết (kết hợp lao động giao kết bằng miệng) mà người lao động làm việc cho người sử dụng lao động đó, trừ thị trường đóng bồi bổ chi phí nghiên cứu theo quy định tại

Nghị quyết 127/2008/N-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ. Trường hợp, thời gian làm việc của doanh nghiệp tính từ thời điểm có tháng (kể từ ngày lập ngày có thời gian làm việc của doanh nghiệp từ 12 tháng trở lên thì thời gian làm việc của doanh nghiệp tính từ thời điểm có tháng (12 tháng) thì làm tròn như sau: từ 01 tháng đến 06 tháng làm tròn thành 1/2 năm; từ 06 tháng đến 12 tháng làm tròn thành 01 năm. (CV số 2509/L-TBXH-L- TL ngày 15/07/2009)

Nguồn kinh phí chi trả từ thời điểm: Theo quy định của pháp luật, khoản 3, điều 14 Nghị quyết 44/2003/N-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ và hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư số 17/2009/TT-BL-TBXH ngày 26/5/2009 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thì người lao động làm việc nhiều công ty nhà nước do chuyển công tác từ ngày 01 tháng 01 năm 1995, thì thời điểm tính theo thời gian làm việc tại công ty nhà nước. Công ty nhà nước cũ cũng có trách nhiệm chi trả toàn bộ số tiền trả thời điểm cho người lao động, kể phần trả thời điểm của trách nhiệm chi trả của công ty nhà nước mà người lao động làm việc tại công ty cũ khi chuyển công tác từ ngày 01 tháng 01 năm 1995, sau đó thông báo yêu cầu hoàn trả số tiền đã chi trả. Trường hợp công ty nhà nước chi trả đã chậm trễ thì ngân sách nhà nước hoàn trả số tiền trả thời điểm đã chi trả theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. (CV số 2260/L-TBXH-L- TL ngày 30/06/2009)

## NGÂN HÀNG

### Quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại

Ngày 16/7/2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 59/2009/N-CP về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại.

Theo đó, Ngân hàng nhà nước là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho các ngân hàng thương mại.

Ngân hàng thương mại (NHTM) có phạm vi hoạt động từ 100 triệu đồng và không hạn chế số lượng tài sản. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý, điều hành khác của ngân hàng không được mua cổ phần ưu đãi của chính ngân hàng phát hành. Mối quan hệ cá nhân của ngân hàng được xử lý theo quy định của pháp luật về ngân hàng và tài sản của ngân hàng là tài sản chung. Trường hợp các chức danh cá nhân không giữ trái phiếu chuyển nhượng, sau khi chuyển nhượng trái phiếu thành chủ sở hữu phải tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều kiện NHTM do Nhà nước sở hữu 100% vốn, chủ sở hữu quyết định mọi vấn đề quan trọng và việc thay đổi vốn của ngân hàng; quyết định cấu trúc quản lý của ngân hàng... những quy định rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn cho các cá nhân khác khi Ngân hàng Nhà nước đồng ý. Việc chuyển nhượng quản lý ngân hàng 100% vốn nước ngoài có thể chuyển đổi hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên công lập để đáp ứng theo quy định của NHTM do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

Điều kiện NHTM liên doanh, thành viên góp vốn có quy định yêu cầu ngân hàng cung cấp thông tin, báo cáo tài chính hàng năm; các chia sẻ như nợ ngân hàng và vốn góp... Điều kiện hình thức này, thành viên góp vốn không được rút vốn để góp ra khi ngân hàng định hình thức, trường hợp chuyển nhượng, mua lại vốn góp theo quy định. Các quy định này cũng áp dụng đối với NHTM 100% vốn nước ngoài, có thể chuyển đổi hình thức công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2009 và thay thế Nghị quyết số 49/2000/N-CP

### Hình thức tín dụng đối với người dân ở vùng khó khăn

Ngày 08/07/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 92/2009/Q-TTg về tín dụng đối với người dân ở vùng khó khăn.

Theo đó, các thủ tục nhân tố của thủ tục tín dụng xuyên vùng khó khăn của Ủy ban Vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội mua sắm hàng hóa, xây dựng trường, kho hàng... về mặt lãi suất bằng mức lãi suất cho vay đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và lãi suất không quá 130% lãi suất cho vay.

Cho vay vốn, thủ tục nhân tố của Ủy ban Vay vốn có xác nhận của UBND xã về việc có thể hiện hoạt động thủ tục tín dụng trên địa bàn; có vốn có tham gia từ 20% tổng nhu cầu vốn vay và phải có bảo đảm.

Mức vốn cho vay tối đa là 30 triệu đồng đối với người dân là cá nhân không thuộc diện sách kế toán và nộp thuế khoán; 100 triệu đồng đối với người dân là cá nhân thuộc diện sách kế toán và kê khai nộp các loại thuế; 500 triệu đồng đối với người dân là tổ chức kinh tế thành lập hợp pháp.

Thủ tục nhân tố vay vốn trên 30 triệu đồng phải có bảo đảm tín dụng theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội. Thủ tục nhân tố cho vay tối đa là 5 năm. Thủ tục nhân tố về các khoản vay ngắn hạn thì không quá 12 tháng, các khoản cho vay trung hạn và dài hạn thì không quá 1/2 thời hạn cho vay ghi trong hợp đồng tín dụng.

Điều kiện cá nhân thuộc hộ gia đình có kinh doanh đã cho vay vốn theo Quyết định số 31/2007/Q-TTg ngày 05/3/2007 quy định vay vốn theo quy định của Quyết định này sau khi hoàn trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05/09/2009.

[Giảm lãi suất tín dụng trả bằng tiền mặt và các chi phí tín dụng](#)

Ngày 17/07/2009, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký Quyết định số 1681/Q - NHNN về giảm lãi suất tín dụng trả bằng tiền mặt và các chi phí tín dụng.

Theo đó, mức lãi suất tín dụng trả bằng tiền mặt và các chi phí tín dụng giảm 1,2%/năm, thay cho mức lãi suất hiện hành là 3,6%/năm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2009 và thay thế Quyết định số 174/Q - NHNN ngày 23/01/2009.

[Hàng đợi trả lãi suất và các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách Xã hội](#)

Ngày 16/07/2009, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 14/2009/TT- NHNN, quy định chi tiết thi hành về chi trả lãi suất và các khoản vay của người nghèo và các đối tượng chính sách khác tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Theo đó, toàn bộ khách hàng vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo cách cho vay hiện hành chi trả lãi suất theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư này, bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn có ghi ngân hàng trong khoảng thời gian từ ngày 01/5/2009 đến ngày 31/12/2009.

Thời hạn vay chi trả lãi suất tối đa là 24 tháng áp dụng với tất cả các khoản vay trong hạn, tính từ ngày ghi ngân hàng đến 31/12/2011. Không tính chi trả lãi suất và chi phí khoản vay quá hạn trên, giá trị hạn và khoản thanh toán vượt quá 24 tháng.

Đối với những khoản vay có lãi suất cho vay bằng thị trường hiện hành 4%/năm thì áp dụng mức lãi suất cho khách hàng vay là 4%/năm, tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế; đối với những khoản vay có lãi suất cho vay nhỏ hơn hoặc bằng 4%/năm thì mức lãi suất thực là toàn bộ lãi suất tín dụng tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế (lãi suất cho vay là 0%/năm).

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 06/05/2009.

[Mức lãi suất cơ bản ngân hàng Việt Nam](#)

Ngày 30/06/2009, Ngân hàng Nhà nước ban hành mức lãi suất cơ bản công bố mức lãi suất cơ bản ngân hàng Việt Nam, có áp dụng từ ngày 01/07/2009, cụ thể:

(1) Theo Quyết định số 1539/Q - NHNN, mức lãi suất cơ bản ngân hàng Việt Nam là 7.0%/năm và thay thế Quyết định số 1250/Q - NHNN ngày 22/5/2009.

(2) Công văn số 251/TB-NHNN thông báo lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước và các chi phí tín dụng là 7.0%/năm; lãi suất tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước và các chi phí tín dụng là 5.0%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng là 7.0%/năm.

[Trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa](#)

Ngày 30/06/2009, Chính phủ ban hành Nghị định số 56/2009/NĐ -CP về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Theo đó, kế hoạch trợ giúp của Chính phủ và các địa phương về hỗ trợ vốn và các ưu đãi khác dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa và 5 năm của các Bộ, ngành, địa phương và nền kinh tế quốc dân. Mục tiêu của chương trình này là trợ giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa, ưu tiên các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ và doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp.

Về chính sách trợ giúp tài chính, Nhà nước khuyến khích thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp. Ngân hàng Nhà nước ban hành các chính sách khuyến khích và dành miễn giảm thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp cho các tổ chức tài chính phù hợp mở rộng tín dụng cho các doanh nghiệp. Nhà nước hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển kinh doanh thông qua các chương trình trợ giúp ào tở; thành lập Quỹ phát triển doanh nghiệp có vốn góp từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác tài trợ kinh phí cho các chương trình, dự án trợ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực kỹ thuật cho doanh nghiệp.

Về mặt bằng sản xuất của doanh nghiệp, Nhà nước trợ giúp bằng việc khuyến khích xây dựng các khu, cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp thuê làm mặt bằng hoặc đi thuê nhà ở thành phố hoặc khu vực nông thôn.

Nhà nước hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ của các doanh nghiệp thông qua chương trình hỗ trợ nghiên cứu, phát triển công nghệ sản xuất tiên tiến; giới thiệu, cung cấp thông tin về công nghệ, thị trường cho các doanh nghiệp. Nhà nước có nghĩa vụ ưu tiên dành tài trợ cho các doanh nghiệp thực hiện các hợp đồng công nghệ cung cấp máy móc, hàng hóa, dịch vụ công.

Về nhân lực doanh nghiệp, khuyến khích thành lập thị trường nhân lực có thời hạn doanh nghiệp trong giai đoạn khởi nghiệp thông qua việc cung cấp cho các doanh nghiệp.

**XÂY DỰNG**[Chỉ tiêu ngân sách trong hoạt động xây dựng](#)

Ngày 06/07/2009, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 22/2009/TT-BXD, quy định chi tiết về chỉ tiêu ngân sách trong hoạt động xây dựng.

Theo đó, người lập kế hoạch khi thi cử nhân viên kỹ thuật công trình xây dựng sẽ phân thành 2 hạng sau: (1) Hạng 1 là có ít nhất 10 người là kỹ sư có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của công việc kỹ thuật xây dựng, trong đó người chỉ trì các bộ môn phải có ít nhất 5 người là kỹ sư chỉ trì thi trắc nghiệm 1 phù hợp với công việc mà nhân viên; Có phòng thí nghiệm xây dựng chuyên ngành các quan nhân viên có thẩm quyền công nhận; Nhà thầu kỹ thuật công trình xây dựng ít nhất 1 công trình cấp 1 cấp biệt hoặc cấp II, cấp III; (2) Hạng 2 là có ít nhất 5 người là kỹ sư có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của công việc; Có phòng thí nghiệm xây dựng chuyên ngành các quan nhân viên có thẩm quyền công nhận; Nhà thầu kỹ thuật công trình xây dựng ít nhất 1 công trình cấp II hoặc cấp 2 công trình cấp III hoặc cấp 5 công trình cấp IV cùng loại.

Các tổ chức kỹ thuật thuộc hạng 1 cử các nhân viên kỹ thuật công trình xây dựng về công trình cấp 1, cấp 2, cấp III và cấp IV cùng loại; thuộc hạng 2 cử các nhân viên kỹ thuật công trình xây dựng về công trình cấp II, cấp III và cấp IV cùng loại. Về mặt kỹ thuật công trình xây dựng của người xin phép thi cử kỹ thuật công trình xây dựng về công trình cấp IV.

Thông tin này có hiệu lực kể từ ngày 20/08/2009 và bãi bỏ Quyết định số 10/2008/QĐ-BXD ngày 25/06/2009.

## QUY ĐỊNH KHÁC

### Hướng dẫn thi cử thi hành án dân sự

Ngày 13/07/2009, Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2009/NĐ-CP, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự và thủ tục thi hành án dân sự.

Theo đó, trình bày quy định thi hành án mà thi hành viên yêu cầu thi hành án phải thi hành các quan thi hành án dân sự có quy định quy định thu hồi quy định thi hành án ban hành. Người có lợi trong việc ra quyết định thi hành án về bản án, quyết định thi hành án phải thi hành án phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chấp hành viên cần vào nội dung bản án, quyết định; tính chất, mức độ, nghĩa vụ thi hành án; người có nghĩa vụ thi hành án; ngành nghề và tình hình thực tế của pháp nhân là chủ nợ cấp độ bị pháp nhân bảo đảm, công cụ thi hành án thích hợp. Trong trình bày của mình, Chấp hành viên có thể yêu cầu người có nghĩa vụ thi hành án phải thi hành án, cá nhân khác hỗ trợ việc tìm kiếm tài sản của người có nghĩa vụ thi hành án.

Người phải thi hành nghĩa vụ về tài sản thu nhập ngân sách nhà nước phải thi hành ít nhất 1/20 khoản phải thi hành, nhưng giá trị không vượt quá mức án phí không có giá trị chi phí xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành. Về tài sản thi hành án còn lại có giá trị từ 10-100 triệu đồng, miễn giảm không quá 1/3 số tiền còn lại phải thi hành án; về tài sản thi hành có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên, miễn giảm không quá 1/5 số tiền còn lại phải thi hành án.

Người là cá nhân có thể xét miễn, giảm chi phí chấp hành thi hành án khi có thu nhập không ổn định sinh hoạt tại thi vụ; thu nhập gia đình chính sách, có công việc cách mạng; neo nhàn, tàn tật... về mặt miễn giảm, giảm không vượt quá 50% tổng chi phí chấp hành thi hành án.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 24/8/2009.

### Quy định về quy định hộ nhà, tài sản người Việt Nam nước ngoài

Ngày 18/06/2009, Quốc hội thông qua Luật số 34/2009/QH12 về sửa đổi, bổ sung điều 126 của Luật Nhà đất và điều 121 của Luật tố tụng.

Theo đó, Người Việt Nam nước ngoài các quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép cư trú tại Việt Nam từ ba tháng trở lên thì có quy định hộ nhà bản thân và các thành viên trong gia đình sinh sống tại Việt Nam, bao gồm các nội dung sau: (1) Người có quốc tịch Việt Nam; (2) Người gốc Việt Nam thu nhập về hưu từ các tổ chức tại Việt Nam theo pháp luật về hưu; người có công đóng góp cho đất nước; nhà khoa học, nhà văn hoá, người có kiến thức biệt mà các quan, tổ chức của Việt Nam có nhu cầu và đang làm việc tại Việt Nam; người có vị trí công nghệ là công dân Việt Nam sinh sống trong nước.

Về việc người Việt Nam nước ngoài là người gốc Việt Nam không thu các nội dung trên thì có quy định hộ gia đình riêng hoặc chung cư tại Việt Nam bản thân và các thành viên trong gia đình sinh sống tại Việt Nam nếu các quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp Giấy miễn thuế và cho phép cư trú tại Việt Nam từ ba tháng trở lên (thay cho quy định hiện hành là sáu tháng).

Người Việt Nam nước ngoài thu các nội dung trên có quy định hộ gia đình quản lý về quy định đăng ký tại Việt Nam. Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/09/2009.

### Sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ

Ngày 19/06/2009, Quốc hội thông qua Luật số 36/2009/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

Theo đó, thẩm định báo cáo quy định tác giả (điều 27) của luật này lên 75 năm về việc các tác phẩm văn học, nghệ thuật, mỹ thuật, kiến trúc, tác phẩm khoa học danh tiếng khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên (theo quy định là 50 năm). Nếu tác phẩm văn học, nghệ thuật, kiến trúc, tác phẩm khoa học được công bố trong thời hạn hai mươi lăm năm, kể từ khi tác phẩm được hình thành thì thẩm định báo cáo là một trăm năm, kể từ khi tác phẩm được hình thành.

V quy định ký nhân hiệu ( hiệu 87), Luật quy định bổ sung về vị chức năng hàng hoá, dịch vụ liên quan nhân danh, danh hiệu khác nhau của lý công nhân và pháp nhân của Việt Nam thì vị chức năng ký phải có quan hệ nhân có thẩm quyền cho phép.

Theo quy định mới, thời hạn thẩm định sáng chế tính lên là 18 tháng; hiệu nhân hiệu là 09 tháng, hiệu kỳ u đáng công nghiệp là 07 tháng và hiệu chức năng là 06 tháng, kể từ ngày công bố.

Ngoài ra, Luật còn sửa đổi, bổ sung một số điểm liên quan bổ sung hiệu năng cây trồng nhân ký quy định về hiệu năng cây trồng; chuyển hiệu quy định về hiệu năng cây trồng; quy định chức năng bổ sung...

Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

## T giá liên ngân hàng giữa VND và USD trong tháng 07/2009

Ngày	T giá	Ngày	T giá
01/07	16.954	17/07	16.961
02/07	16.952	18/07	16.962
04/07	16.955	21/07	16.964
07/07	16.956	22/07	16.963
08/07	16.957	23/07	16.965
09/07	16.955	24/07	16.964
10/07	16.958	25/07	16.967
13/07	16.957	28/07	16.969
14/07	16.959	29/07	16.968
15/07	16.960	30/07	16.970
16/07	16.958	31/07	16.967

## Danh mục các văn bản mới trong tháng 06 và 07/2009

### Chính phủ

- CV số 4994/VPCP-KTTH (23/7/2009) về việc thu thuế thu nhập cá nhân hiệu trong lĩnh vực ngoài làm việc trong các tổ chức phi chính phủ nhân ngoài tại Việt Nam.
- ☞ N số 59/2009/N -CP (16/7/2009) về việc tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại.
- CV số 4736/VPCP-KTTH (13/7/2009) về việc quản lý thuế hiệu hoạt động kinh doanh, xe máy.
- ☞ Q số 92/2009/Q -TTg (08/7/2009) về tín dụng hiệu thị trường nhân hoạt động thương mại tài vùng khó khăn.
- Q số 93/2009/Q -TTg (10/7/2009) về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 hiệu 21 Q số 33/2009/Q -TTg (02/03/2009) Ban hành chức, chính sách tài chính hiệu khu vực kinh tế cá nhân.
- ☞ Q số 96/2009/Q -TTg (22/7/2009) về việc sửa đổi một số điểm của Q số 65/2009/Q -TTg và Q số 67/2009/Q -TTg (24/4/2009).
- CV số 4736/VPCP-KTTH (13/7/2009) về việc quản lý thuế hiệu hoạt động kinh doanh ô tô, xe máy.
- ☞ N số 58/2009/N -CP (13/7/2009) về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điểm của Luật Thi hành án dân sự và thủ tục thi hành án dân sự.
- CV số 4665/VPCP- MDN (09/7/2009) về việc ghi quy trình lao động đối với doanh nghiệp công ty nhân c.
- Nghị quyết số 32/2009/QH12 (19/6/2009) của Quốc hội về việc ưu tiên một số tiêu chuẩn quốc tế, một số tiêu chuẩn kỹ thuật, ngân sách Nhà nước, phát hành bổ sung trái phiếu Chính phủ năm 2009 và miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân.
- ☞ N số 56/2009/N -CP (30/6/2009) về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhân và v a.
- CV số 4391/VPCP-KTTH (30/6/2009) về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiệu về hiệu nghiệp thuế khoán nhân và tổ chức cá nhân mô hình doanh nghiệp.

**B Tài chính**

- CV s 9662/BTC-TCĐN (07/7/2009) v/vi c thông báo óng Qu h tr lao ng dôi d .
- CV s 9866/BTC-TCT (13/7/2009) v/vi c thu TNCN i v i kho n thu nh p t ti n l ong, ti n công.
- CV s 10219/BTC-TCT (20/7/2009) v/vi c gi m thu GTGT.
- CV s 10220/BTC-TCT (20/7/2009) v/vi c i u ki n ch ng t thanh toán qua ngân hàng kh u tr , hoàn thu GTGT.
- TT s 136/2009/TT-BTC (02/7/2009) v/vi c b sung, s a i m c l c ngân sách nhà n c.
- TT s 137/2009/TT-BTC (03/7/2009) v/vi c h ng d n th c hi n m t s i u c a Q s 33/2009/Q -TTg (02/03/2009) c a Th t ng Chính ph ban hành c ch , chính sách tài chính i v i khu kinh t c a kh u.
- TT s 143/2009/TT-BTC (15/7/2009) v/vi c h ng d n l p d toán, qu n lý và s d ng kinh phí m b o cho xu t, c p hàng d tr qu c gia c u tr , h tr và v n tr .
- TT s 146/2009/TT-BTC (20/7/2009) v/vi c h ng d n ch thu, n p và qu n lý s d ng l phí gi i quy t các vi c liên quan n qu c t ch.
- TT 139/2009/TT-BTC (08/7/2009) v/vi c h ng d n k toán áp d ng cho Quý Tích l y tr n .
- TT s 140/2009/TT-BTC (08/7/2009) v/vi c s a i m s thu và thu nh p kh u u ãi i v i t m LCD quy nh t i Bi u thu nh p kh u u ãi ban hành kèm theo Q s 106/2007/Q -BTC c a B Tài chính.
- CV s 9678/BTC-QLN (07/7/2009) v/vi c th n tr ng v i các kho n chào cho vay v n c a các i tác n c ngoài.
- TT s 134/2009/TT-BTC (01/7/2009) v/vi c quy nh m c thu, ch thu, n p, qu n lý và s d ng phí và l phí trong lnh v c ch ng khoán áp d ng t i y ban Ch ng khoán Nhà n c.
- TT s 138/2009/TT-BTC (03/7/2009) v/vi c i u ch nh m c thu su t thu nh p kh u u ãi i v i m t s m t hàng thi t b i n trong bi u thu nh p kh u u ãi.
- TT s 133/2009/TT-BTC (30/6/2009) v/vi c h ng d n th c hi n m c thu su t thu nh p kh u u ãi i v i m t s m t hàng thu c nhóm 2710 t i Bi u thu nh p kh u u ãi.

**B Lao ng Th ng bình xã h i**

- CV s 2525/L TBXH-L TL (16/7/2009) v/vi c tui n d ng ng i lao ng dôi d .
- CV s 2558/L TBXH-BHXH (20/7/2009) v/vi c h ng d n th c hi n v ng m c v ch , chính sách BHXH.
- CV s 2559/L TBXH-L TL (20/7/2009) v/vi c tr c p thòi vi c.
- CV s 2480/L TBXH-BHXH (13/7/2009) v/vi c ch tai n n lao ng i v i ng i lao ng.
- CV s 2492/L TBXH-L TL (14/7/2009) v/vi c bình quân ti n l ng tháng óng b o hi m xã h i h ng l ng h u.
- CV s 2509/L TBXH-L TL (15/7/2009) v/vi c h ng d n tính th i gian h ng tr c p thòi vi c, m t vi c.
- TT s 25/2009/TT-BL TBXH (14/7/2009) v/vi c h ng d n thu th p và x lý thông tin cung, c u lao ng.
- CV s 2313/L TBXH-BHXH (02/7/2009) v/vi c gi i áp chính sách b o hi m xã h i.
- CV s 2114/L TBXH-L TL (18/6/2009) v/vi c h ng d n chi tr tr c p m t vi c làm.
- CV s 2115/L TBXH-L TL (18/6/2009) v/vi c h ng d n ch tr c p cho ng i lao ng khi gi i th công ty.
- CV s 2126/L TBXH-L TL (18/6/2009) v/vi c tr c p thòi vi c.
- CV s 2161/L TBXH-L TL (22/6/2009) v/vi c gi i quy t ch tr c p thòi vi c và tr c p th t nghi p.
- CV s 2259/L TBXH-L TL (30/6/2009) v/vi c th i gian tính ch tr c p m t vi c làm i v i lao ng dôi d do s p x p l i công ty nhà n c.
- CV s 2260/L TBXH-L TL (30/6/2009) v/vi c ngu n kinh phí tr tr c p thòi vi c.

**B Công th ng**

- TT s 21/2009/TT-BCT (15/7/2009) quy nh vi c xây d ng và h tr th c hi n ch ng trình xúc ti n th ng m i th tr ng trong n m 2009.
- TT s 19/2009/TT-BCT (07/7/2009) v/vi c s a i, b sung TT liên t ch s 03/2006/TTLT-BTM-BGTVT-BTC-BCA (31/03/2006) h ng d n vi c nh p kh u ô tồ ch ng i d i 16 ch ng i ã qua s d ng theo Ngh nh s 12/2006/N -CP (23/01/2006) c a Chính ph .
- TT s 18/2009/TT-BCT (03/7/2009) v/vi c s a i, b sung TT s 16/2008/TT-BCT (09/12/2008) h ng d n vi c nh p kh u các m t hàng thu c danh m c qu n lý nh p kh u theo h n ng ch thu quan n m 2009.
- TT s 17/2009/TT-BCT (29/6/2009) v/vi c s a i Q s 02/2007/Q -BTM (08/01/2007) c a B tr ng B Th ng m i v i c ban hành quy ch c p gi y ch ng nh n xu t x hàng hóa m u AK h ng các u ãi theo Hi p nh v th ng m i hàng hóa thu c Hi p nh khung v h p tác kinh t toàn di n g a Chính ph các n c thành viên thu c Hi p h i các qu c gia óng Nam Á và Chính ph i dân qu c.

**B Xây d ng**

- CV s 53/BXD-VLXD (16/7/2009) v/vi c xác nh n v t t xây d ng trong n c ch a s n xu t c.

## Ngân hàng Nhà nước

1. ☞ Q s 1681/Q -NHNN (17/7/2009) v ề lãi suất tín dụng trả nợ bằng tiền Việt Nam đối với tín dụng.
2. CV s 4925/NHNN-CSTT (30/6/2009) v ề kiểm tra, xử lý các trường hợp cho vay hỗ trợ lãi suất.
3. CV 4941/NHNN-QLNH (01/7/2009) v ề việc chuyển đổi hình thức mua bán ngoại tệ.
4. ☞ Q s 1539/Q -NHNN (30/6/2009) v ề mức lãi suất bằng tiền Việt Nam.
5. Q s 1542/Q -NHNN (30/6/2009) v ề việc công ty tài chính tham gia thị trường hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức và cá nhân vay vốn ngân hàng sản xuất - kinh doanh.
6. ☞ Thông báo s 251/TB-NHNN (30/6/2009) v ề mức lãi suất bằng tiền Việt Nam.

## Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. CV s 1204/UBCK-QLKD (18/6/2009) v ề việc chuyển đổi hình thức hoạt động của công ty chứng khoán.

## Tờng C c thu

1. ☞ CV s 2824/TCT-CS (10/7/2009) v ề việc miễn thuế GTGT.
2. CV s 2830/TCT-CS (10/7/2009) v ề việc quy định thuế thu TNDN đối với các Doanh nghiệp kinh doanh vàng bạc, đá quý.
3. ☞ CV s 2846/TCT-CS (10/7/2009) v ề việc giá trị thuế hải quan và lệ phí kinh doanh.
4. CV s 2869/TCT-CS (14/7/2009) v ề việc thu nhập từ nhà thầu nước ngoài.
5. CV s 2965/TCT-TNCN (20/7/2009) v ề việc chính sách thuế TNCN đối với lợi nhuận.
6. CV s 2651/TCT-CS (02/7/2009) v ề việc chính sách thuế GTGT.
7. CV s 2692/TCT-CS (02/7/2009) v ề việc thu thuế GTGT.
8. CV s 2703/TCT-KK (02/7/2009) v ề việc hoàn thuế GTGT.
9. CV s 2715/TCT-CS (03/7/2009) v ề việc chính sách thuế đối với dự án ODA.
10. ☞ CV s 2724/TCT-KK (03/7/2009) v ề việc miễn thuế đối với hàng hóa phục vụ an ninh, quốc phòng.
11. CV s 2726/TCT-KK (03/7/2009) v ề việc miễn thuế đối với dự án Tân Kiên.
12. ☞ CV s 2733/TCT-PC (03/7/2009) v ề việc Thu thuế GTGT đối với người sản xuất.
13. CV s 2762/TCT-CS (07/7/2009) v ề việc ghi hóa đơn đối với hàng khuyến mại.
14. CV s 2763/TCT-CS (07/7/2009) v ề việc chính sách thuế.
15. ☞ CV s 2766/TCT-CS (07/7/2009) v ề việc chính sách thuế đối với giao dịch chuyển đổi ngoại tệ.
16. ☞ CV s 2506/TCT-CS (19/6/2009) v ề việc giá trị thuế hải quan.
17. ☞ CV s 2512/TCT-CS (22/6/2009) v ề việc vận chuyển phí trả về.
18. CV s 2514/TCT-TNCN (22/6/2009) v ề việc phân bổ khu vực và phân bổ thu hút.
19. ☞ CV s 2536/TCT-CS (23/6/2009) v ề việc miễn thuế đối với tài sản góp vốn.
20. ☞ CV s 2572/TCT-CS (25/6/2009) v ề việc xác định giá trị doanh nghiệp.
21. CV s 2635/TCT-KK (01/7/2009) v ề việc hoàn thuế giá trị gia tăng.
22. ☞ CV s 2641/TCT-CS (01/7/2009) v ề việc thu suất thuế giá trị gia tăng.
23. CV s 2406/TCT-CS (15/6/2009) v ề việc ưu đãi thuế theo Nghị định 53/2006/NĐ-CP.
24. CV s 2407/TCT-CS (15/6/2009) v ề việc ưu đãi miễn giảm thuế đối với dự án xã hội hóa.
25. CV s 2408/TCT-TNCN (15/6/2009) v ề việc miễn giảm thuế TNCN.
26. CV s 2434/TCT-CS (16/6/2009) v ề việc cấp hóa đơn cho cán nhân thuê nhà, tài sản.
27. CV s 2435/TCT-TNCN (16/6/2009) v ề việc hoàn thuế TNCN cho hoạt động ngân hàng thu c B Quốc phòng.
28. CV s 2445/TCT-CS (16/6/2009) v ề việc xử lý vi phạm pháp luật thuế.
29. CV s 2463/TCT-CS (17/6/2009) v ề việc thu suất thuế GTGT.
30. CV s 2466/TCT-CS (18/6/2009) v ề việc hoàn thuế TNCN.
31. CV s 2471/TCT-KK (18/6/2009) v ề việc hóa đơn thuế GTGT kê khai chậm.
32. ☞ CV s 2481/TCT-TNCN (18/6/2009) v ề việc chính sách thuế TNCN.
33. CV s 2484/TCT-KK (19/6/2009) v ề việc kê khai, nộp thuế GTGT đối với các nhà thầu c thuế.
34. CV s 2499/TCT-CS (19/6/2009) v ề việc danh mục dự án khuyến khích đầu tư.
35. CV s 2526/TCT-CS (23/6/2009) v ề việc ưu đãi thuế TNCN.
36. CV s 2571/TCT-CS (25/6/2009) v ề việc ưu đãi thuế TNDN.
37. CV s 2574/TCT-TTr (25/6/2009) v ề việc hoàn thuế GTGT.

T ng C c H i quan

1. CV s 4129/TCHC-GSQL (13/7/2009) v vi c qu n lý ho t ng kinh doanh t m nh p tái xu t, chuy n kh u hàng th c ph m ô ng l nh.
2. CV s 4184/TCHQ-KTTT (14/7/2009) v vi c mi n thu nh p kh u hàng hóa t o tài s n c nh d án khuy n khích u t .
3. CV s 4309/TCHQ-GSQL (20/7 n m2009) v vi c s d ng Gi y ng ký ph ng ti n v n t i b n sao, có ch ng th c c a ngân hàng làm th t c h i quan.
4. CV s 4320/TCHQ-KTTT (21/7/2009) v vi c th t c h i quan và chính sách thu .
5. CV s 4321/TCHQ-KTTT (21/7/2009) v vi c th t c hoàn thu nh p kh u.
6. CV s 4071/TCHQ-KTTT (10/7/2009) v vi c thu GTGT hàng nh p kh u.
7. CV s 4188/TCHQ-KTTT (14/7/2009) v vi c theo dõi và x lý n thu i v i ch doanh nghi p b tr n kh i a ch ng ký kinh doanh và ch doanh nghi p xu t c nh v n c.
8. CV s 4194/TCHQ-GSQL (14/7/2009) v vi c h ng d n v ng m c th c h i n TT s 79/2009/TT-BTC.
9. CV s 4196/TCHQ-GSQL (14/7/2009) v vi c thanh kho n h p ng gia công.
10. CV s 3833/TCHQ-GSQL (30/6/2009) v vi c gi i áp v ng m c TT s 116/2008/TT-BTC (04/12/2008).
11. CV s 3847/TCHQ-GSQL (30/6/2009) v vi c v ng m c hàng chuy n c a kh u, hàng gia công.
12. CV s 3946/TCHQ-GSQL (30/6/2009) v vi c x lý m t t khai hàng gia công.
13. CV s 3953/TCHQ-GSQL (06/7/2009) v vi c ng ký t khai lo i hình s n xu t xu t kh u.
14. CV s 3956/TCHQ-GSQL (06/7/2009) v vi c nh p kh u hàng hóa g i kho ngo i quan vào n i a.
15. CV s 3957/TCHQ-GSQL (06/7/2009) v vi c a i m ng ký h p ng gia công i v i t gia công n c ngoài.
16. CV s 3980/TCHQ-GSQL (06/7/2009) v vi c hàng nh p kh u g i cho ngo i quan.
17. CV s 3659/TCHQ-GSQL (23/6/2009) v vi c phân lo i hàng hóa tr c khi nh p kh u.
18. CV s 3708/TCHQ-GSQL (25/6/2009) v vi c v ng m c th t c chuy n c a kh u.
19. CV s 3726/TCHQ-GSQL (25/6/2009) v vi c ng ký t khai h i quan m t l n và tr l u i C/O.
20. CV s 3799/TCHQ-KTTT (29/6/2009) v vi c khai bán tr giá tính thu hàng nh p kh u.
21. CV s 3803/TCHQ-GSQL (29/6/2009) v vi c h ng d n th t c chuy n c ng.
22. CV s 3820/TCHQ-GSQL (30/6/2009) v vi c th t c h i quan hàng quá c nh.



N u b n c c n thêm thông tin c ng nh có ý ki n óng góp, xin vui lòng liên h v i chúng tôi theo các a ch sau:

**Tr s chính:**

217 Nguy n V n Linh, thành ph à N ng	Phan Xuân V n	T ng Giám c
Tel: (0511)3655886-105 Fax: (0511)3655887	Lê Kh c Minh	Phó T ng Giám c
Website: <a href="http://www.aac.com.vn">http://www.aac.com.vn</a>	Nguy n Tr ng Hi u	Phó T ng Giám c
E-mail: <a href="mailto:aac@dng.vnn.vn">aac@dng.vnn.vn</a>	Tr n Th N	Biên t p viên

B n tin này ch có giá tr thông tin và t ng h p. Trong tr ng h p áp d ng c th b n c ph i c n c vào n i dung toàn v n c a các v n b n pháp lu t t ng ng ho c s h ng d n c a các chuyên gia t v n c a AAC.

AAC s n sàng cung c p mi n phí các v n b n c nêu trong B n tin cho các khách hàng th ng xuyên c a Công ty. i v i các khách hàng khác, chúng tôi có th tính m t kho n phí trang tr i các chi phí hành chính. M c phí c th c quy nh nh sau:

- N u t mua c n m: 350.000 ng (12 s );
- N u mua không th ng xuyên: 30.000 ng/s .

Ngoài nh ng thông tin c tóm t t trên B n tin nh k , n u b n c nào mu n c cung c p thêm nh ng thông tin y thì m c phí c tính nh sau:

- Cung c p mi n phí i v i b n c t mua c n m trong tr ng h p g i qua Email, còn tr ng h p g i qua B u i n ho c Fax thì m c phí c tính 1.500 ng/trang;
- i v i b n c khác c cung c p tr c ti p t i v n phòng Công ty Ki m Toán & K toán (AAC), giá 2.000 ng/trang.

Xin vui lòng thông báo ngay nh ng thay i liên quan n a ch liên h c a b n chúng tôi có th áp ng t nh t các nhu c u c a b n.